Sentry 2020 Field Notes

						19	18	17	16	15
Cantlay, Patrick	2	28	40	2	17;	NP	15	NP		
Casey, Paul	C	17	38	18	5;	16	NP			
Champ, Cameron	C	23	33	8	27;	11	NP			
Conners, Corey	C	13	12	6	20;	NP				
Duncan, Tyler	56	C	18	48	1;	NP				
Fowler, Rickie	6	C	11	19	9;	NP	4	NP	5	NP
Frittelli, Dylan	C	43	22	11	35;	NP				
Griffin, Lanto	18	1	18	76	C;	NP				
Herman, Jim	C	C	77	80	35;	NP	NP	12	NP	
Holmes, J.B.	54	52	65	C	WD;	NP	NP	NP	24	33
Homa, Max	62	C	65	46	5;	NP				
Johnson, Dustin	51	20	24	57	30;	4	1	6	10	NP

						19	18	17	16	15
Kang, Sunghoon	4	C	29	26	17;	NP				
Kisner, Kevin	66	28	76	C	7;	NP	17	NP	9	NP
Kuchar, Matt	20	C	14	C	14;	19	NP	NP	NP	17
Lashley, Nate	3	C	62	20	WD;	NP				
Long, Adam	23	46	51	2	35;	NP				
McDowell, Graeme	C	15	16	WD	23;	NP	NP	NP	29	NP
Mitchell, Keith	C	46	27	C	14;	NP				
Morikawa, Collin	10	42	36	22	5;	NP				
Munoz, Juan Seb.	33	C	28	C	3;	NP				
Na, Kevin	14	C	1	20	46;	NP				
Niemann, Joaquin	54	C	12	33	C;	NP				
Palmer, Ryan	77	43	37	12	10;	NP				

						19	18	17	16	15
Pan, C.T.	56	59	56	11	C;	NP				
Poston, J.T.	C	27	24	41	14;	NP				
Rahm, Jon	2	C	1	1	2;	8	2	NP		
Reavie, Chez	46	70	60	26	13;	NP				
Reed, Patrick	17	8	10	28	3;	25	NP	6	2	1
Schauffele, Xander	2	46	10	2	10;	1	22	NP		
Thomas, Justin	9	4	1	17	5;	3	22	1	21	NP
Todd, Brendon	C	28	1	1	4;	NP	NP	NP	NP	8
Trainer, Martin	C	C	C	C	C;	NP				
Wolff, Matthew	19	71	18	74	13;	NP				
Woodland, Gary	55	3	5	20	7;	2	NP			

Notes
2019 OWGR Most RECENT events only
WD = Withdrawal
C = Cut

NP = Non Participant
NI = No Information

Recent finishes listed
Event finishes listed